

Số: 302/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 3231/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 384/BC-BKTNS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh với diện tích 86,61 ha để thực hiện 43 công trình, dự án và dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng 130.995.892.576 đồng (ngân sách tỉnh 19.000.000.000 đồng, ngân sách huyện 99.514.745.000 đồng và nguồn vốn khác 12.481.147.576 đồng) và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực tế thực hiện theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1. Huyện Kông Chro: 03 công trình, dự án với diện tích 15,05 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.761.702.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

2. Huyện Đak Pơ: 02 công trình, dự án với diện tích 3,70 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 570.000.000 đồng (ngân sách huyện).

3. Thị xã Ayun Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 0,80 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 1.970.600.000 đồng (ngân sách thị xã).

4. Huyện Mang Yang: 01 công trình, dự án với diện tích 2,50 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 500.000.000 đồng (ngân sách huyện).

5. Huyện Chư Sê: 02 công trình, dự án với diện tích 3,21 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 769.445.576 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

6. Huyện Đức Cơ: 02 công trình, dự án với diện tích 1,32 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.100.000.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

7. Thành phố Pleiku: 06 công trình, dự án với diện tích 4,68 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 80.352.590.000 đồng (ngân sách thành phố).

8. Huyện Kbang: 08 công trình, dự án với diện tích 16,96 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.730.000.000 đồng (nguồn sách huyện).

9. Huyện Chư Puh: 04 công trình, dự án với diện tích 18,33 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 20.300.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương và nguồn hợp pháp khác).

10. Huyện Phú Thiện: 03 công trình, dự án với diện tích 4,78 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.375.555.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

11. Huyện Krông Pa: 07 công trình, dự án với diện tích 10,03 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.566.000.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

12. Huyện Ia Grai: 02 công trình, dự án với diện tích 5,25 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.000.000.000 đồng (ngân sách huyện).

(Kèm theo Phụ lục).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh” đối với dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông.

1. Hiện trạng của số thứ tự 3 Mục V (huyện Chư Păh) từ “Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn” thành “Đất trồng cây lâu năm, đất thủy lợi và đất giao thông, bờ lô” và dự kiến kinh phí từ “29.570.000.000 đồng” thành “69.667.875.637 đồng”.

2. Hiện trạng của số thứ tự 1 Mục VI (huyện Đak Đoa) từ “Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn” thành “Đất

trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất ở tại nông thôn” và dự kiến kinh phí từ “35.820.000.000 đồng” thành “67.035.539.223 đồng”.

3. Dự kiến kinh phí của số thứ tự 1 Mục VII (thành phố Pleiku) từ “46.600.000.000 đồng” thành “113.787.836.647 đồng”.

Điều 3. Điều chỉnh, bổ sung hiện trạng của số thứ tự 2 Mục III (huyện Ia Grai) Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai” của dự án Đường liên xã huyện Ia Grai từ “Đất trồng cây lâu năm” thành “Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm”.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Ư*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên





DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CÁN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình dự án	Điểm lỵ (thị trấn)	Hiện trạng	Cơ sở thực hiện	Dự kiến số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đồng)				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Nguồn vốn khác	
I	Huyện Kông Chro		15,05		5.761.702.000		2.541.000.000	3.220.702.000	
1	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chơ Long	Các xã: Yang Nam và Chơ Long	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất	Nghị quyết số 377/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Gia Lai Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai	3.220.702.000			3.220.702.000	Nguồn sách Trung ương
2	Đường quy hoạch Đ6 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài đến đường Nguyễn Văn Trỗi) và đường quy hoạch Đ3 (đoạn từ đường quy hoạch Đ6 đến đường sau Huyện đống)	Thị trấn Kông Chro	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Kông Chro Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của UBND huyện Kông Chro	2.541.000.000		2.541.000.000		
3	Đường nối làng Rong Trĩa	Xã Yang Nam	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND huyện Kông Chro					
II	Huyện Đak Pơ		3.70		570.000.000		570.000.000		
1	Đường liên xã Yang Bắc đi xã Tân An	Các xã: Tân An và Yang Bắc	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất chưa sử dụng	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND huyện Đak Pơ Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND huyện Đak Pơ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND huyện Đak Pơ Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Đak Pơ Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND huyện Đak Pơ	450.000.000		450.000.000		
2	Đường từ trung tâm huyện đi xã Yang Bắc	Các xã: An Thành, Yang Bắc và thị trấn Đak Pơ	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất chưa sử dụng	Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND huyện Đak Pơ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND huyện Đak Pơ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND huyện Đak Pơ Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Đak Pơ Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND huyện Đak Pơ	120.000.000		120.000.000		
III	Thị xã Ayun Pa		0,80		1.970.600.000		1.970.600.000		
1	Trường Mầm non Hòa Hồng	Phường Hòa Bình	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 21/5/2021 của HĐND thị xã Ayun Pa Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND thị xã Ayun Pa Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND thị xã Ayun Pa	300.000.000		300.000.000		
2	Trường Tiểu học Chu Văn An	Xã Ia Rhoi	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 21/5/2021 của HĐND thị xã Ayun Pa Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND thị xã Ayun Pa Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND thị xã Ayun Pa	226.300.000		226.300.000		
3	Đường vào Cụm công nghiệp Ia Sao	Các xã: Ia Sao và Ia Rô	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thị xã Ayun Pa Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND thị xã Ayun Pa Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND thị xã Ayun Pa	1.444.300.000		1.444.300.000		

78

IV Huyện Mang Yang			2,50			500.000.000	500.000.000	
1	Đường liên xã Đăk Ta Ley - Đăk Yă, huyện Mang Yang	Các xã Đăk Ta Ley và Đăk Yă	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	2,50		500.000.000	500.000.000	
V	Huyện Chư Sê		3,21			769.445.576	200.000.000	569.445.576
1	Đường liên xã huyện Chư Sê		2,21			569.445.576		569.445.576
	Đường từ thị trấn Chư Sê đi qua các xã Chư Pong, Pong, Ia Tiem, Bơ Ngoong và Bar Muih	Thị trấn Chư Sê và các xã Chư Pong, Ia Tiem, Bơ Ngoong và Bar Muih	1,20	Đất trồng cây lâu năm		404.485.410		404.485.410
	Đường từ xã Kông Hlok đi xã Ayun	Các xã Kông Hlok và Ayun	0,41	Đất trồng cây lâu năm		99.730.000		99.730.000
	Đường nối từ Quốc lộ 25 đi hồ Ayun Ha	Xã HBông	0,60	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm		65.230.166		65.230.166
2	Trương mẫu giao Hoa Pơ Lang	Xã Al Bả	1,00	Đất trồng cây lâu năm		200.000.000	200.000.000	
VI	Huyện Đăc Cơ		1,32			2.100.000.000	250.000.000	1.850.000.000
1	Chợ xã Ia Lang	Xã Ia Lang	0,50	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn		1.850.000.000		1.850.000.000
2	Điểm tham quan du lịch cây đa làng Ghiê	Xã Ia Dok	0,82	Đất trồng cây lâu năm		250.000.000	250.000.000	
VII	Thành phố Pleiku		4,68			80.352.590.000	80.352.590.000	
1	Đường Lý Chính Thắng (đoạn đường Trường Chinh cuối đường)	Phường Chi Lăng	0,02	Đất ở tại đô thị		4.385.779.000	4.385.779.000	
2	Đường Nguyễn Thị Định (đoạn đường Phạm Văn Đồng - đường Lê Đại Hành)	Phường Đồng Đa	0,01	Đất ở tại đô thị		2.673.040.000	2.673.040.000	
3	Đường nối từ đường Lê Thành Tôn đến đường Trần Nhật Duật	Phường Ia Kring	0,76	Đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị, đất cơ sở tôn giáo và đất tổ chức		35.323.662.000	35.323.662.000	
4	Đường Quyết Tiến (đoạn Đồng Tiến - Lê Thành Tôn)	Phường Ia Kring	0,04	Đất ở tại đô thị		12.970.000.000	12.970.000.000	

5	Dương Đào Duy Từ	Xã Tân Sơn	3,78 Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thành phố Pleiku Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND thành phố Pleiku Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 07/6/2023 của UBND thành phố Pleiku	1.579.541.000	1.579.541.000	
6	Dương Lạc Long Quân	Phường Thăng Long	0,07 Đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của UBND thành phố Pleiku Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thành phố Pleiku	23.420.568.000	23.420.568.000	Dự án đã có quyết định phê duyệt dự án, trong đó, có thể hiện mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và dự án đã được bố trí vốn trong dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 của HĐND thành phố Pleiku là 4,0 tỷ đồng/ông mức đầu tư là 44,353 tỷ đồng và có đủ điều kiện triển khai, thực hiện trong năm 2024.
VIII Huyện Kbang			16,96		5.730.000.000	5.730.000.000	
1	Mở rộng đường trung tâm xã Tô Tung	Xã Tô Tung	0,40 Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện KBang Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện KBang	500.000.000	500.000.000	
2	Mở rộng đường trung tâm xã Lơ Ku	Xã Lơ Ku	0,20 Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện KBang Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện KBang	100.000.000	100.000.000	
3	Mở rộng đường trung tâm xã Kon Pre	Xã Kon Pre	0,20 Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện KBang Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện KBang	80.000.000	80.000.000	
4	Mở rộng đường trung tâm xã Đăk Hlơ	Xã Đăk Hlơ	0,70 Đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện KBang Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện KBang	350.000.000	350.000.000	
5	Dường tư trung tâm xã Sơ Păi và Đăk Smar	Các xã Sơ Păi và Đăk Smar	7,00 Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 30/8/2023 của HĐND huyện KBang	500.000.000	500.000.000	Đề nghị UBND tỉnh kiểm tra cụ thể, thông nhất thu hồi đất khi đàm phán các điều kiện theo quy định
6	Dường tư trung tâm xã Kông Long, Kông, Kông Bơ Cae xã Kông Long, Kông, Kông La và Đăk Hlơ	Bờ La và Đăk Hlơ	7,50 Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 30/8/2023 của HĐND huyện KBang Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện KBang	500.000.000	500.000.000	
7	Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về du lịch cộng đồng Mò Hra	Xã Kông Long, Kông	0,20 Đất trồng cây hàng năm khác		200.000.000	200.000.000	

8	Đường Lê Văn Tâm (đoạn cầu Lê Văn Tâm - đường Đông Trường Sơn)	Thị trấn KBang	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	0,76	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND huyện KBang Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện KBang	3.500.000.000	19.000.000.000	3.500.000.000	1.300.000.000	
IX	Huyện Chư Pưh			18,33							
1	Đường phía Đông thị trấn Nhon Hòa	Các xã: Ia Hnui, Ia Phang và thị trấn Nhon Hòa	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	5,93		Nghị quyết số 331/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Chư Pưh Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Gia Lai Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai	19.000.000.000	19.000.000.000			
2	Sắp xếp, ổn định dân cư thôn Tằng Kék, làng Mung, xã Ia Hla và làng Kuai, xã Ia Bliu	Các xã: Ia Hla và Ia Bliu	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	10,00		Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện Chư Pưh	100.000.000			100.000.000	Ngân sách Trung ương và nguồn hợp pháp khác (vốn huy động)
3	Khu thể thao xã	Xã Ia Hla	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	1,90		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 của HĐND xã Ia Hla	1.000.000.000			1.000.000.000	Ngân sách Trung ương
4	Đường nội thôn Hoa Sơn số 2	Xã Ia Phang	Đất trồng cây lâu năm	0,50		Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND xã Ia Phang	200.000.000			200.000.000	Ngân sách Trung ương
X	Huyện Phú Thiện			4,78			4.375.555.000		2.585.555.000	1.790.000.000	
1	Đường nội thị huyện Phú Thiện			1,51		Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	1.790.000.000			1.790.000.000	
	Đường Wunu	Thị trấn Phú Thiện	Đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm	0,79		Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	940.000.000			940.000.000	Ngân sách Trung ương
	Đường Đ80	Thị trấn Phú Thiện	Đất trồng lúa	0,72		Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai	850.000.000			850.000.000	
2	Nhà thi đấu đa năng	Thị trấn Phú Thiện	Đất trồng cây hàng năm khác	1,27		Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 03/3/2023 của HĐND huyện Phú Thiện Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND huyện Phú Thiện	1.535.000.000		1.535.000.000		
3	Di tích Plei Oi (Danh mục bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gần với phát triển du lịch)	Xã Ayun Hla	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	2,00		Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Gia Lai	1.050.555.000		1.050.555.000		
XI	Huyện Krông Pa			10,03			4.566.000.000		815.000.000	3.751.000.000	
1	Sửa chữa, mở rộng nền đường bị hư hỏng tuyến đường Trần Phú nối dài và đường liên khu vực thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	2,40		Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện Krông Pa					
2	Đường Võ Thị Sáu (đoạn Hưng Vương - Quang Trung)	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây lâu năm	0,13		Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Krông Pa Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Krông Pa	65.000.000		65.000.000		
3	Đường Bạch Đằng (đoạn Thống Nhất - Trần Hưng Đạo) + Đường Quang Trung (đoạn Trần Hưng Đạo - Bạch Đằng)	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây lâu năm	0,24		Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Krông Pa Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Krông Pa	120.000.000		120.000.000		
4	Đường Anh Hùng Núp (đoạn Hưng Vương - Quang Trung) + Nút giao thông Quang Trung - Cách Mạng	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây lâu năm	0,27		Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Krông Pa Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Krông Pa	135.000.000		135.000.000		
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Nguyễn Văn Trãi - Kpá Trú) + Đường Hai Bà Trưng (đoạn Hưng Vương - Nguyễn Văn Trãi)	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây lâu năm	0,31		Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Krông Pa Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Krông Pa	155.000.000		155.000.000		
6	Đường Kpá Klong (đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Văn Tâm)	Thị trấn Phú Túc	Đất trồng cây lâu năm	0,68		Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Krông Pa Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Krông Pa	340.000.000		340.000.000		
7	Sắp xếp, bố trí ổn định các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư Buôn Ma Gian, xã Đát Bông	Xã Đát Bông	Đất trồng cây hàng năm khác, đất ở tại nông thôn và đất giao thông	6,00		Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND huyện Krông Pa	3.751.000.000			3.751.000.000	Ngân sách Trung ương

XII Huyện Ia Grai		5,25			4.000.000.000		4.000.000.000		
1	Xây dựng hệ thống đường quy hoạch tổ dân phố 6	Thị trấn Ia Kha	0,45	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Ia Grai Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Ia Grai	500.000.000	500.000.000		
2	Đường quy hoạch mở rộng thi trấn về phía Bắc (Đường Hoàng Hoa Thám nối dài và tuyến 02 đường từ đường Đinh Tiên Hoàng đến thôn Thắng Trạch 2)	Thị trấn Ia Kha	4,80	Đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Ia Grai Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Ia Grai	3.500.000.000	3.500.000.000		
Tổng số: 43		86,61			130.995.892.576	19.000.000.000	99.514.745.000	12.481.147.576	

